

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024  
(đã được soát xét)



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận  
Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-46
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	05-08
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	15-46

001  
CC  
CHI  
INC  
P  
AN

1/1  
★  
1/1

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102121331 ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 87/GPĐC-UBCK cấp ngày 07 tháng 11 năm 2023.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch
Ông Vũ Mạnh Tiến	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Vũ Hải Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
Ông Trần Đình Cường	Thành viên
Bà Lê Thảo Anh	Thành viên
Ông Hoàng Đôn Hùng	Thành viên
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hà	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Minh	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Khuê	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Long	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2024

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Đỗ Thị Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận

Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phạm Hồng Minh**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Số: 140824.036/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.410.827.773.377	2.248.864.756.038
110	I. Tài sản tài chính		2.399.696.096.771	2.246.133.529.090
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	80.321.400.490	120.456.160.950
111.1	1.1 Tiền		80.321.400.490	120.456.160.950
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	1.134.127.868.200	1.608.753.818.546
114	3. Các khoản cho vay	5	187.241.437.010	158.241.038.523
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	30.310.000.000	30.310.000.000
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(8.671.670.836)	(8.958.251.636)
117	6. Các khoản phải thu	7	971.618.300.261	331.442.223.732
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		926.681.989.225	206.743.333.039
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		44.936.311.036	124.698.890.693
117.3	6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		44.936.311.036	124.698.890.693
118	7. Trả trước cho người bán		7.038.000.000	8.727.538.000
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	1.932.435.746	1.523.194.456
122	9. Các khoản phải thu khác	7	2.625.900	3.806.519
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(4.224.300.000)	(4.366.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		11.131.676.606	2.731.226.948
131	1. Tạm ứng		8.865.126.809	274.711.100
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.201.549.797	2.425.515.848
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	65.000.000	31.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		53.756.803.835	107.632.005.536
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		-	50.883.161.094
211	1. Các khoản phải thu dài hạn	7	-	50.883.161.094
220	II. Tài sản cố định		23.087.420.848	25.834.335.385
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	13.800.409.614	15.551.052.651
222	- Nguyên giá		37.410.489.731	37.648.963.176
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.610.080.117)	(22.097.910.525)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	9.287.011.234	10.283.282.734
228	- Nguyên giá		25.082.208.497	25.082.208.497
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.795.197.263)	(14.798.925.763)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.622.000.000	-
250	V. Tài sản dài hạn khác		29.047.382.987	30.914.509.057
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	3.159.385.148	2.236.160.228
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	5.887.997.839	7.688.123.483
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	20.000.000.000	20.990.225.346
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>2.464.584.577.212</u>	<u>2.356.496.761.574</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		482.073.584.751	404.445.856.038
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		480.068.171.692	401.627.992.702
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	279.912.974.781	230.801.575.548
312	1.1 Vay ngắn hạn		279.912.974.781	230.801.575.548
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		-	75.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	132.716.877.497	61.013.094.519
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	17	41.407.463.788	1.689.034.076
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		549.500.000	529.500.000
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	6.688.005.651	9.043.780.874
323	7. Phải trả người lao động		618.193.325	605.747.198
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		227.416.222	232.241.022
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	7.817.344.068	11.862.418.437
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	1.278.460.437	1.275.391.523
331	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.851.935.923	9.575.209.505
340	II. Nợ phải trả dài hạn		2.005.413.059	2.817.863.336
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	38.2	2.005.413.059	2.817.863.336
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.982.510.992.461	1.952.050.905.536
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.982.510.992.461	1.952.050.905.536
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.648.006.180.000	1.648.006.180.000
417	2. Lợi nhuận chưa phân phối		334.504.812.461	304.044.725.536
417.1	2.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		328.427.960.031	294.718.071.991
417.2	2.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		6.076.852.430	9.326.653.545
440	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.464.584.577.212</b>	<b>2.356.496.761.574</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		164.800.618	164.800.618
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	22	346.804.580.000	283.578.310.000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán	23	1.530.000	1.530.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	24	35.000.000.000	2.344.000.000
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	672.480.270.000	1.266.950.270.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	4.937.273.820.000	5.031.598.740.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		3.845.706.190.000	3.906.263.100.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		61.291.000.000	61.291.000.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.013.660.370.000	1.049.126.800.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		530.890.000	530.890.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		16.085.370.000	14.386.950.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	27	18.136.520.000	18.152.520.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		17.986.520.000	18.002.520.000
022.4	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		150.000.000	150.000.000
023	2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28	28.801.000.000	70.564.810.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
026	3. Tiền gửi của khách hàng	29	132.218.018.983	154.022.097.537
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		82.450.987.873	65.279.279.037
029	3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		49.764.911.110	88.741.818.500
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		49.764.911.110	88.741.818.500
030	3.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		2.120.000	1.000.000
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30	132.215.898.983	154.021.097.537
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		132.198.370.950	153.993.815.337
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		17.528.033	27.282.200
035	4. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31	2.120.000	1.000.000

**Bùi Thị Yến**  
Người lập**Nguyễn Thị Bích Hằng**  
Kế toán trưởng**Phạm Hồng Minh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	86.303.215.917	92.332.984.137
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	198.594.012.205	11.927.118.469
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	7.132.930.563	10.555.101.671
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	(119.423.726.851)	69.850.763.997
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	88.493.150
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	12.717.410.243	18.318.272.711
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	11.133.132.178	13.016.669.793
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	100.000.000
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	880.397.083	907.148.839
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	291.000.000	400.909.126
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác	186.852.000	366.684.191
20		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>111.512.007.421</b>	<b>125.531.161.947</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11.679.056.955	78.374.100.599
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	483.875.000	619.816.649
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	11.195.181.955	77.754.283.950
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(428.280.800)	564.956.748
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	1.157.660.556	1.326.557.710
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	15.851.046.632	17.502.754.715
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	1.595.475.294
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	953.411.844	927.454.554
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	2.511.837.467	5.787.020.634
32	2.8	Chi phí các dịch vụ khác	7.501.201.270	7.467.055.650
40		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>39.225.933.924</b>	<b>113.545.375.904</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

06 tháng đầu năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>35</b>		
42	3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		269.930.446	278.613.327
44	3.2 Doanh thu khác về đầu tư		9.722.646.889	-
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>9.992.577.335</b>	<b>278.613.327</b>
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>36</b>		
52	4.1 Chi phí lãi vay		14.781.111.254	16.506.759.209
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>14.781.111.254</b>	<b>16.506.759.209</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>37</b>	<b>27.499.253.713</b>	<b>25.868.043.808</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>39.998.285.865</b>	<b>(30.110.403.647)</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác		25.363.637	10.090.909
72	8.2 Chi phí khác		16.722.279	505.813.803
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>8.641.358</b>	<b>(495.722.894)</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>40.006.927.223</b>	<b>(30.606.126.541)</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		44.069.178.615	36.593.055.738
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(4.062.251.392)	(67.199.182.279)
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>38</b>	<b>7.881.189.845</b>	<b>(5.856.814.237)</b>
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.1	8.693.640.122	7.583.022.218
100.2	10.2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	38.2	(812.450.277)	(13.439.836.455)
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>32.125.737.378</b>	<b>(24.749.312.304)</b>

Bùi Thị Yến  
Người lập

Nguyễn Thị Bích Hằng  
Kế toán trưởng

Phạm Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**06 tháng đầu năm 2024  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		40.006.927.223	(30.606.126.541)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		16.843.005.908	19.943.766.742
03	- Khấu hao tài sản cố định		2.785.469.537	3.151.673.203
04	- Các khoản dự phòng		(428.280.800)	564.956.748
06	- Chi phí lãi vay		14.781.111.254	16.506.759.209
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(295.294.083)	(279.622.418)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		11.195.181.955	77.754.283.950
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		11.195.181.955	77.754.283.950
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(7.132.930.563)	(10.555.101.671)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(7.132.930.563)	(10.555.101.671)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(147.202.216.049)	(122.033.214.087)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		470.563.698.954	185.675.747.502
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	55.000.000.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(29.000.398.487)	1.774.603.064
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(719.938.656.186)	(192.485.418.796)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		130.645.740.751	(58.194.473.315)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(389.241.290)	465.383.019
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		1.180.619	247.520
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(7.600.190.363)	(277.479.604)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(5.255.048.530)	(9.816.203.402)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		2.024.091.695	3.756.971.179
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.871.997.964)	(14.127.080.622)
44	- Lãi vay đã trả		(13.571.137.093)	(19.651.412.575)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		39.785.967.712	(46.523.048.397)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(4.824.800)	95.381.000
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(1.177.417.381)	(1.188.661.805)
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		12.446.127	1.186.685
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(80.280.858)	(25.379.370.540)
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		192.810.000	-
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.538.958.955)	(1.159.585.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(86.290.031.526)	(65.496.391.607)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**06 tháng đầu năm 2024  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(38.555.000)	(365.842.400)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		25.363.637	1.009.091
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		269.930.446	278.613.327
70	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>256.739.083</i>	<i>(86.219.982)</i>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
73	3. Tiền vay gốc		759.418.374.988	192.244.088.496
73.2	3.1 Tiền vay khác		759.418.374.988	192.244.088.496
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(713.519.843.005)	(242.999.863.562)
74.3	4.2 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(713.519.843.005)	(242.999.863.562)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>45.898.531.983</i>	<i>(50.755.775.066)</i>
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(40.134.760.460)</b>	<b>(116.338.386.655)</b>
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>120.456.160.950</b>	<b>148.573.649.746</b>
101.1	- Tiền		120.456.160.950	148.573.649.746
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	4	<b>80.321.400.490</b>	<b>32.235.263.091</b>
103.1	- Tiền		80.321.400.490	32.235.263.091

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**


Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam


**Báo cáo tài chính giữa niên độ**


cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**  
*06 tháng đầu năm 2024*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		4.174.599.204.934	5.020.133.036.082
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(4.336.551.531.844)	(4.530.678.613.900)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		5.889.675.645.032	6.455.415.453.036
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(5.749.528.516.676)	(6.937.485.373.600)
13	5. Chi lỗi giao dịch chứng khoán		-	14.473.224.359
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		15.609.761.249	(14.473.060.484)
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(15.608.641.249)	-
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(21.804.078.554)</b>	<b>7.384.665.493</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>154.022.097.537</b>	<b>154.014.918.345</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		154.022.097.537	154.014.918.345
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		65.279.279.037	85.905.762.795
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		88.741.818.500	68.108.155.550
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.000.000	1.000.000
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	<b>29</b>	<b>132.218.018.983</b>	<b>161.399.583.838</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		132.218.018.983	161.399.583.838
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		82.450.987.873	103.732.524.173
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		49.764.911.110	57.665.895.790
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		2.120.000	1.163.875

  
Bùi Thị Yên  
Người lập

  
Nguyễn Thị Bích Hằng  
Kế toán trưởng

  
Phạm Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2024

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ				Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2023		01/01/2024		06 tháng đầu năm 2023		06 tháng đầu năm 2024	
		Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.270.004.000.000	1.648.006.180.000	-	-	-	-	1.270.004.000.000	1.648.006.180.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		1.030.004.000.000	1.648.006.180.000	-	-	-	-	1.030.004.000.000	1.648.006.180.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		240.000.000.000	-	-	-	-	-	240.000.000.000	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		27.107.220.603	-	-	-	-	-	27.107.220.603	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối		27.107.220.603	-	-	-	-	-	27.107.220.603	-
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		598.316.223.320	304.044.725.536	(24.749.312.304)	3.796.768.057	32.125.737.378	1.665.650.453	569.770.142.959	334.504.812.461
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		551.616.637.548	294.718.071.991	29.010.033.520	3.796.768.057	35.375.538.493	1.665.650.453	576.829.903.011	328.427.960.031
		46.699.585.772	9.326.653.545	(53.759.345.824)	-	(3.249.801.115)	(7.059.760.052)	6.076.852.430	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.922.534.664.526</b>	<b>1.952.050.905.536</b>	<b>(24.749.312.304)</b>	<b>3.796.768.057</b>	<b>32.125.737.378</b>	<b>1.665.650.453</b>	<b>1.893.988.584.165</b>	<b>1.982.510.992.461</b>

TÀI NINH

Nguyễn Thị Bích Hằng  
Kế toán trưởng  
Phạm Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu năm 2024

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102121331 ngày 29 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 21 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 48/GP-UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh bổ sung, Giấy phép điều chỉnh bổ sung mới nhất số 87/GPĐC-UBCK cấp ngày 07 tháng 11 năm 2023.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 1.648.006.180.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 1.648.006.180.000 đồng; tương đương 164.800.618 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 138 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 143 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 26 tháng 06 năm 2019 với mã giao dịch là EVS.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Văn phòng Công ty	Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Sài Gòn	Tầng 4, Toà nhà Central Park, số 117 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Bà Triệu	Tầng 1, Tòa nhà Minexport, số 28C,D, Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Nguyễn Trãi	Tầng 3, Tòa nhà VNT Tower, số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Ứng trước tiền bán chứng khoán; Môi giới chứng khoán phái sinh; Tự doanh chứng khoán phái sinh; Tư vấn và đầu tư chứng khoán phái sinh.

#### 1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong 6 tháng đầu năm 2024, sự phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam đã giúp cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ này tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

### 2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

### 2.5 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

#### a) *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

*b) Nguyên tắc phân loại*

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

### 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Các tài sản khác	02 - 08 năm
- Phần mềm giao dịch	02 - 08 năm

## 2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.11 . Chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

## 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

## 2.13 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối 06 tháng đầu năm 2023 trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối 06 tháng đầu năm 2023 trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và Chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ (nếu có).

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó, đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC, Công ty sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 2.17 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

### 2.18 . Doanh thu, thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

### 2.19 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

### 2.20 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

*Doanh thu tài chính* bao gồm: doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định; doanh thu đầu tư khác.

*Chi phí hoạt động tài chính* là chi phí lãi vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### 2.21 . Các khoản thuế

#### a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

#### b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### c) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

### 2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**2.24 . Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	25.392.719	3.599.492.619.033
- Cổ phiếu	8.371.730	157.944.330.000
- Trái phiếu	17.020.879	3.330.611.870.308
- Chứng khoán khác	110	110.936.418.725
Của nhà đầu tư	386.656.634	8.379.265.804.798
- Cổ phiếu	386.294.013	8.169.640.223.490
- Trái phiếu	12.321	209.030.008.308
- Chứng khoán khác	350.300	595.573.000
	<b>412.049.353</b>	<b>11.978.758.423.831</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	1.264.421.347	747.093.232
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	79.056.979.143	119.709.067.718
	<b>80.321.400.490</b>	<b>120.456.160.950</b>

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	389.908.267.106	375.692.218.200	307.267.786.764	297.113.989.250
Cổ phiếu chưa niêm yết	66.780.000.000	67.980.000.000	66.780.000.000	67.980.000.000
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	2.885.800	-
Trái phiếu chưa niêm yết	667.409.650.000	690.455.650.000	1.220.613.829.296	1.243.659.829.296
	<b>1.124.100.802.906</b>	<b>1.134.127.868.200</b>	<b>1.594.664.501.860</b>	<b>1.608.753.818.546</b>

(\*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ giá trị thị trường tại ngày 29 tháng 12 năm 2023 và 28 tháng 06 năm 2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000
	<b>30.310.000.000</b>	<b>30.310.000.000</b>	<b>30.310.000.000</b>	<b>30.310.000.000</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

**c) Các khoản cho vay**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Hoạt động margin	171.530.282.263	146.280.657.215
Hoạt động ứng trước tiền bán	15.711.154.747	11.960.381.308
	<b>187.241.437.010</b>	<b>158.241.038.523</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Giá mua		Giá trị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	30/06/2024	01/01/2024	30/06/2024	01/01/2024	30/06/2024	01/01/2024	30/06/2024	01/01/2024	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>FVTPL</b>	<b>1.124.100.802.906</b>	<b>1.594.664.501.860</b>	<b>1.134.127.868.200</b>	<b>1.608.753.818.546</b>	<b>67.509.401.546</b>	<b>63.173.301.221</b>	<b>(57.482.336.252)</b>	<b>(49.083.984.535)</b>	<b>1.134.127.868.200</b>	<b>1.608.753.818.546</b>
Cổ phiếu niêm yết	389.908.267.106	307.267.786.764	375.692.218.200	297.113.989.250	43.263.401.546	38.927.301.221	(57.479.150.452)	(49.081.098.735)	375.692.218.200	297.113.989.250
- Sàn Hà Nội	389.908.267.106	307.267.786.764	375.692.218.200	297.113.989.250	43.263.401.546	38.927.301.221	(57.479.150.452)	(49.081.098.735)	375.692.218.200	297.113.989.250
GMA	5.000.000.000	5.000.000.000	48.240.000.000	43.920.000.000	43.240.000.000	38.920.000.000	-	-	48.240.000.000	43.920.000.000
NVB	295.394.768.043	291.827.768.043	249.705.684.800	247.539.201.000	-	-	(45.689.083.243)	(44.288.367.043)	249.705.684.800	247.539.201.000
OGC	40.456.065.887	10.253.865.887	30.116.747.060	5.506.797.300	-	-	(10.339.318.827)	(4.747.068.587)	30.116.747.060	5.506.797.300
SSI	13.820.500.000	-	13.240.500.000	-	-	-	(580.000.000)	-	13.240.500.000	-
PVS	12.477.899.778	-	11.912.040.000	-	-	-	(565.859.778)	-	11.912.040.000	-
VPB	2.876.275.986	1.275.986	2.798.674.950	1.209.600	-	-	(77.601.036)	(66.386)	2.798.674.950	1.209.600
ACB	19.699.389.294	1.508.730	19.511.573.200	1.649.100	-	140.370	(187.816.094)	-	19.511.573.200	1.649.100
Cổ phiếu lẻ	183.368.118	183.368.118	166.998.190	145.132.250	23.401.546	7.160.851	(39.771.474)	(45.396.719)	166.998.190	145.132.250
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
- Cổ phiếu lẻ	2.885.800	2.885.800	-	-	-	-	(2.885.800)	(2.885.800)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	66.780.000.000	66.780.000.000	67.980.000.000	67.980.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	67.980.000.000	67.980.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Giải trí Việt Media	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	55.980.000.000	-	-	-	-	55.980.000.000	55.980.000.000
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Khương sản	10.800.000.000	10.800.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	667.409.650.000	1.220.613.829.296	690.455.650.000	1.243.659.829.296	23.046.000.000	23.046.000.000	-	-	690.455.650.000	1.243.659.829.296
- Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Vina2 (1)	87.600.000.000	87.600.000.000	87.600.000.000	87.600.000.000	-	-	-	-	87.600.000.000	87.600.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cà (2)	67.700.000.000	157.700.000.000	67.700.000.000	157.700.000.000	-	-	-	-	67.700.000.000	157.700.000.000
- Công ty Cổ phần Dầu tư Địa ốc Mai Yên (3)	158.894.000.000	92.184.000.000	181.940.000.000	115.230.000.000	23.046.000.000	23.046.000.000	-	-	181.940.000.000	115.230.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	-	883.129.829.296	-	883.129.829.296	-	-	-	-	-	883.129.829.296
- Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (4)	77.855.650.000	-	77.855.650.000	-	-	-	-	-	77.855.650.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoa Lâm An (5)	273.360.000.000	-	273.360.000.000	-	-	-	-	-	273.360.000.000	-
AFS	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
- Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh (*)	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	30.310.000.000	30.310.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.154.410.802.906</b>	<b>1.624.974.501.860</b>	<b>1.164.437.868.200</b>	<b>1.639.063.818.546</b>	<b>67.509.401.546</b>	<b>63.173.301.221</b>	<b>(57.482.336.252)</b>	<b>(49.083.984.535)</b>	<b>1.164.437.868.200</b>	<b>1.639.063.818.546</b>

**Ghi chú:**

Nguyên tắc tính và cơ sở tham chiếu để xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy niêm yết thì giá trị trường Công ty thân trong xác định bằng 0. Giá trị thị trường của cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo mệnh giá của các cổ phiếu và trái phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(1) Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2 (mã trái phiếu VC2H2122001) có kỳ hạn ban đầu 12 tháng (27/10/2021 - 27/10/2022), được kéo dài kỳ hạn lần thứ nhất tới ngày 27/10/2023, lần thứ hai tới ngày 27/10/2024; số lượng: 876 trái phiếu; mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất cho 12 tháng đầu của trái phiếu là 11,50%/năm, 12 tháng tiếp theo là 17.25%/năm và 12 tháng cuối là 13%/năm.

(2) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (mã trái phiếu DCACH2124001) có kỳ hạn 36 tháng (28/10/2021 - 28/10/2024); số lượng: 677 trái phiếu; mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 36 tháng của trái phiếu là 11,50%/năm.

(3) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mai Viên (mã trái phiếu MVJCH2124001) có kỳ hạn 36 tháng (26/10/2021 - 26/10/2024); số lượng: 18.194 trái phiếu; mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 36 tháng của trái phiếu là 11,50%/năm.

(4) Trái phiếu của Công ty TNHH TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (mã trái phiếu NPM123021) đáo hạn ngày 27 tháng 7 năm 2028; số lượng: 750.000 trái phiếu; mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu; lãi suất đối với 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 9%/năm, đối với các kỳ tính lãi còn lại là lãi suất thả nổi được tính bằng tổng của 4,1%/năm và lãi suất tham chiếu của kỳ tính lãi đó.

(5) Trái phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hoa Lâm An (mã trái phiếu LACCH2124001) có kỳ hạn 36 tháng (30/12/2021 - 30/12/2024); số lượng: 27.536 trái phiếu; mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu; lãi suất áp dụng cho toàn bộ kỳ hạn 36 tháng của trái phiếu là 11,5%/năm.

**6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	8.671.670.836	8.958.251.636
<b>Tại ngày 30/06</b>	<b>8.671.670.836</b>	<b>8.958.251.636</b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU****a) Các khoản phải thu ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư (*)	926.681.989.225	206.743.333.039
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	44.936.311.036	124.696.797.635
Phải thu lãi hoạt động Margin	-	2.093.058
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	1.932.435.746	1.523.194.456
Phải thu khác	2.625.900	3.806.519
	<b>973.553.361.907</b>	<b>332.969.224.707</b>

(\*) Trong đó bao gồm:

- Khoản phải thu về bán 16.907 trái phiếu TITCH2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Tiến Trường đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Toàn Xuân Thịnh với số tiền 179.436.953.039 đồng. Giao dịch này được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán bởi 18.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị theo mệnh giá là 180.000.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Quốc dân được sở hữu bởi Công ty TNHH KY Consultant - một bên liên quan của Công ty.

- Khoản phải thu về bán 59.937 trái phiếu CLACH2124001 và 24.717 trái phiếu CLACH2125002 của TNHH Đầu tư Cam Lâm đối với Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ ô tô Tiến Thành với số tiền 737.522.389.297 đồng. Giao dịch này được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán bởi 74.499.540 cổ phần với tổng giá trị theo mệnh giá là 744.995.400.000 đồng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu khoáng sản được sở hữu bởi các cá nhân là cổ đông của Công ty này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

<b>b) Các khoản phải thu dài hạn</b>	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	50.883.161.094
	<u>-</u>	<u>50.883.161.094</u>
<b>8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI</b>	<u>06 tháng đầu năm</u>	<u>06 tháng đầu năm</u>
	2024	2023
	VND	VND
Tại ngày 01/01	4.366.000.000	24.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(141.700.000)	-
Tại ngày 30/06	<u>4.224.300.000</u>	<u>24.000.000</u>
<b>9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>		
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	20.296.562	57.780.445
Chi phí thuê văn phòng	533.281.846	526.926.842
Chi phí bảo trì phần mềm	779.266.113	325.790.000
Chi phí thuê đường truyền	232.200.060	102.384.052
Chi phí bảo hiểm sức khỏe	76.072.837	189.882.371
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	560.432.379	1.222.752.138
	<u>2.201.549.797</u>	<u>2.425.515.848</u>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	707.794.666	1.061.641.833
Chi phí công cụ dụng cụ, cải tạo khi chuyển sang trụ sở mới 2A Đại Cồ Việt	3.403.102.269	4.574.722.029
Chi phí công cụ dụng cụ, cải tạo văn phòng tại Chi nhánh Nguyễn Trãi	962.831.015	1.538.853.407
Chi phí trả trước dài hạn khác	814.269.889	512.906.214
	<u>5.887.997.839</u>	<u>7.688.123.483</u>
<b>10 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Đặt cọc thuê cây xanh	3.000.000	3.000.000
Đặt cọc thuê xe ô tô	28.000.000	28.000.000
Đặt cọc dịch vụ cung cấp thông tin năm 2024	34.000.000	-
	<u>65.000.000</u>	<u>31.000.000</u>
<b>b) Dài hạn</b>	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Đặt cọc hợp đồng môi giới trái phiếu	3.128.465.148	2.205.240.228
Cầm cố, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	30.920.000	30.920.000
	<u>3.159.385.148</u>	<u>2.236.160.228</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	24.615.169.627	12.092.051.572	222.812.000	718.929.977	37.648.963.176
Mua trong kỳ	38.555.000	-	-	-	38.555.000
Thanh lý, nhượng bán	(277.028.445)	-	-	-	(277.028.445)
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>24.376.696.182</b>	<b>12.092.051.572</b>	<b>222.812.000</b>	<b>718.929.977</b>	<b>37.410.489.731</b>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	17.815.727.008	3.456.241.685	222.812.000	603.129.832	22.097.910.525
Khấu hao trong kỳ	1.138.320.539	621.888.498	-	28.989.000	1.789.198.037
Thanh lý, nhượng bán	(277.028.445)	-	-	-	(277.028.445)
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>18.677.019.102</b>	<b>4.078.130.183</b>	<b>222.812.000</b>	<b>632.118.832</b>	<b>23.610.080.117</b>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	6.799.442.619	8.635.809.887	-	115.800.145	15.551.052.651
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>5.699.677.080</b>	<b>8.013.921.389</b>	<b>-</b>	<b>86.811.145</b>	<b>13.800.409.614</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.543.700.378 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định hữu hình này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phân mềm giao dịch, kế toán VND	Tài sản vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2024	20.331.918.889	4.750.289.608	25.082.208.497
Tại ngày 30/06/2024	<u>20.331.918.889</u>	<u>4.750.289.608</u>	<u>25.082.208.497</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2024	10.048.636.155	4.750.289.608	14.798.925.763
Khấu hao trong kỳ	996.271.500	-	996.271.500
Tại ngày 30/06/2024	<u>11.044.907.655</u>	<u>4.750.289.608</u>	<u>15.795.197.263</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2024	10.283.282.734	-	10.283.282.734
Tại ngày 30/06/2024	<u>9.287.011.234</u>	<u>-</u>	<u>9.287.011.234</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.076.718.497 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**13 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
Tại ngày 01/01	-	-
Tăng trong kỳ	1.622.000.000	-
Tại ngày 30/06	<u>1.622.000.000</u>	<u>-</u>
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Mua sắm tài sản cố định	1.622.000.000	-
Ô tô 7 chỗ ngồi Mitsubishi Outlander	1.622.000.000	-
	<u>1.622.000.000</u>	<u>-</u>

**14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.244.008.020	13.244.008.020
Tiền lãi phân bổ	6.635.991.980	7.626.217.326
Số dư cuối kỳ	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.990.225.346</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**15 . VAY VÀ NỢ**

	01/01/2024	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng	100.000.000.000	46.769.200.000	100.000.000.000	46.769.200.000
Vay cá nhân	130.801.575.548	306.941.854.233	204.599.655.000	233.143.774.781
	<u>230.801.575.548</u>	<u>353.711.054.233</u>	<u>304.599.655.000</u>	<u>279.912.974.781</u>
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn			30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội <sup>(1)</sup> (NCB)			46.769.200.000	100.000.000.000
Các khoản vay cá nhân <sup>(2)</sup>			233.143.774.781	130.801.575.548
			<u>279.912.974.781</u>	<u>230.801.575.548</u>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 620/DN/2023/HĐHM-HNI ngày 25 tháng 12 năm 2023, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cấp tín dụng tối đa: 120.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngắn hạn;
  - + Thời hạn duy trì hạn mức cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng;
  - + Lãi suất cho vay: theo thỏa thuận giữa hai bên tại Khế ước nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 46.769.200.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được bảo đảm bằng các hợp đồng cầm cố chứng khoán niêm yết và giấy tờ có giá giữa NCB với bên thứ ba và giữa NCB với Công ty.
- (2) Các Hợp đồng vay cá nhân với hình thức tín chấp có thời hạn từ 01 đến 06 tháng, lãi suất 6,5% - 11%/năm nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

**16 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	383.702.829	457.533.805
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	150.500.193	160.018.989
Phải trả tổ chức, cá nhân khác (*)	132.182.674.475	60.395.541.725
	<u>132.716.877.497</u>	<u>61.013.094.519</u>

(\*) Các khoản phải trả cho các khách hàng về thỏa thuận cho vay vốn từ số dư tiền trên tài khoản giao dịch chứng khoán (ELending) của các nhà đầu tư có nhu cầu cho vay.

**17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc dân - Chi nhánh Hà Nội	760.521.669	760.521.669
Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	36.346.450.000	-
Phải trả các đối tượng khác	4.300.492.119	928.512.407
	<u>41.407.463.788</u>	<u>1.689.034.076</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	36.346.450.000	-
Phải trả cho người bán khác	5.061.013.788	1.689.034.076
	<b>41.407.463.788</b>	<b>1.689.034.076</b>

**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	714.400	29.136.187
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.940.050.102	6.118.407.944
Thuế Thu nhập cá nhân	1.747.241.149	2.896.236.743
	<b>6.688.005.651</b>	<b>9.043.780.874</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	3.105.296.931	1.895.322.770
Phải trả lương, thưởng kinh doanh	2.100.309.474	7.290.927.620
Thù lao Hội đồng quản trị	464.755.000	607.028.160
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	2.146.982.663	2.069.139.887
	<b>7.817.344.068</b>	<b>11.862.418.437</b>

**20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	30.390.684	30.390.684
Thu hộ tiền đầu tư phải trả cho nhà đầu tư	723.262.050	723.262.050
Các khoản phải trả, phải nộp khác	524.807.703	521.738.789
	<b>1.278.460.437</b>	<b>1.275.391.523</b>

**21 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	30/06/2024	Tỷ lệ	01/01/2024
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Vũ Mạnh Tiến	9,71	160.000.000.000	9,71	160.000.000.000
Các cổ đông khác	90,29	1.488.006.180.000	90,29	1.488.006.180.000
	<b>100</b>	<b>1.648.006.180.000</b>	<b>100</b>	<b>1.648.006.180.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	328.427.960.031	294.718.071.991
Lợi nhuận chưa thực hiện	6.076.852.430	9.326.653.545
	<b>334.504.812.461</b>	<b>304.044.725.536</b>

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	294.718.071.991	551.616.637.548
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối kỳ kế toán	6.076.852.430	(7.059.760.052)
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ đầu kỳ	35.375.538.493	29.010.033.520
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ kế toán	330.093.610.484	580.626.671.068
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(1.665.650.453)	(3.796.768.057)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.665.650.453)	(3.796.768.057)
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối kỳ kế toán</b>	<b>328.427.960.031</b>	<b>576.829.903.011</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	33.313.009.067
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	5,00	1.665.650.453
Lợi nhuận chưa phân phối	95,00	31.647.358.614

**d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	1.648.006.180.000	1.270.004.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	1.648.006.180.000	1.270.004.000.000

**e) Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	164.800.618	164.800.618
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	164.800.618	164.800.618
- Cổ phiếu phổ thông	164.800.618	164.800.618
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	164.800.618	164.800.618
- Cổ phiếu phổ thông	164.800.618	164.800.618
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	346.804.580.000	283.578.310.000
	<b>346.804.580.000</b>	<b>283.578.310.000</b>

**23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.530.000	1.530.000
	<b>1.530.000</b>	<b>1.530.000</b>

**24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Công ty	35.000.000.000	2.344.000.000
	<b>35.000.000.000</b>	<b>2.344.000.000</b>

**25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	672.480.270.000	1.266.950.270.000
	<b>672.480.270.000</b>	<b>1.266.950.270.000</b>

**26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.845.706.190.000	3.906.263.100.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	61.291.000.000	61.291.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.013.660.370.000	1.049.126.800.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	530.890.000	530.890.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	16.085.370.000	14.386.950.000
	<b>4.937.273.820.000</b>	<b>5.031.598.740.000</b>

**27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	17.986.520.000	18.002.520.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	150.000.000	150.000.000
	<b>18.136.520.000</b>	<b>18.152.520.000</b>

**28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28.801.000.000	70.564.810.000
	<b>28.801.000.000</b>	<b>70.564.810.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**29 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	<b>82.450.987.873</b>	<b>65.279.279.037</b>
1. Nhà đầu tư trong nước	82.433.459.838	65.251.996.835
2. Nhà đầu tư nước ngoài	17.528.035	27.282.202
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	<b>49.764.911.110</b>	<b>88.741.818.500</b>
1. Nhà đầu tư trong nước	49.764.911.110	88.741.818.500
Tiền gửi của tổ chức phát hành	<b>2.120.000</b>	<b>1.000.000</b>
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	2.120.000	1.000.000
	<b><u>132.218.018.983</u></b>	<b><u>154.022.097.537</u></b>

**30 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	<b>82.450.987.873</b>	<b>65.279.279.037</b>
1.1 Nhà đầu tư trong nước	82.433.459.838	65.251.996.835
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	17.528.035	27.282.202
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	<b>49.764.911.110</b>	<b>88.741.818.500</b>
2.1 Nhà đầu tư trong nước	49.764.911.110	88.741.818.500
	<b><u>132.215.898.983</u></b>	<b><u>154.021.097.537</u></b>

**31 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GÓC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, góc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	<b>2.120.000</b>	<b>1.000.000</b>
	<b><u>2.120.000</u></b>	<b><u>1.000.000</u></b>

**32 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	<b>171.530.282.263</b>	<b>146.282.750.273</b>
1.1 Phải trả gốc margin	171.530.282.263	146.280.657.215
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	171.530.282.263	146.280.657.215
1.2 Phải trả lãi margin	-	2.093.058
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	-	2.093.058
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	<b>15.711.154.747</b>	<b>11.960.381.308</b>
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	15.711.154.747	11.960.381.308
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	15.711.154.747	11.960.381.308
	<b><u>187.241.437.010</u></b>	<b><u>158.243.131.581</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**33 . THU NHẬP**

**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Tổng giá trị bán VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước		
		Tổng giá vốn VND	Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết	38.067.420.000	37.236.429.658	1.253.365.342	(422.375.000)	323.154.997	96.585.968
Trái phiếu niêm yết	714.272.807.996	713.949.421.776	352.386.220	(29.000.000)	3.920.000	-
Trái phiếu Chính phủ	116.104.000.000	116.136.500.000	-	(32.500.000)	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	1.210.157.800.035	1.013.195.519.797	196.962.280.238	-	11.597.577.672	497.622.461
Chứng chỉ tiền gửi	55.481.199.565	55.455.219.160	25.980.405	-	2.465.800	25.608.220
	<b>2.134.083.227.596</b>	<b>1.935.973.090.391</b>	<b>198.594.012.205</b>	<b>(483.875.000)</b>	<b>11.927.118.469</b>	<b>619.816.649</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/06/2024		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2024		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
			Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND
<b>FVTPL</b>	<b>1.124.100.802.906</b>	<b>1.134.127.868.200</b>	<b>67.509.401.546</b>	<b>(57.482.336.252)</b>	<b>63.173.301.221</b>	<b>(49.083.984.535)</b>	<b>7.132.930.563</b>	<b>(11.195.181.955)</b>
Cổ phiếu niêm yết	389.908.267.106	375.692.218.200	43.263.401.546	(57.479.450.452)	38.927.301.221	(49.081.098.735)	(17.113.069.437)	(11.195.181.955)
Cổ phiếu hủy niêm yết	2.885.800	-	-	(2.885.800)	-	(2.885.800)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	66.780.000.000	67.980.000.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
Trái phiếu chưa niêm yết	667.409.650.000	690.455.650.000	23.046.000.000	-	23.046.000.000	-	23.046.000.000	-
<b>Loại AFS</b>	<b>30.310.000.000</b>	<b>30.310.000.000</b>	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	30.310.000.000	30.310.000.000	-	-	-	-	-	-
	<b>1.154.410.802.906</b>	<b>1.164.437.868.200</b>	<b>67.509.401.546</b>	<b>(57.482.336.252)</b>	<b>63.173.301.221</b>	<b>(49.083.984.535)</b>	<b>7.132.930.563</b>	<b>(11.195.181.955)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	(119.423.726.851)	69.850.763.997
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	88.493.150
Từ các khoản cho vay	12.717.410.243	18.318.272.711
	<b>(106.706.316.608)</b>	<b>88.257.529.858</b>
d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác		
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	186.852.000	366.684.191
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	<b>186.852.000</b>	<b>366.684.191</b>
34 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	<b>7.501.201.270</b>	<b>7.467.055.650</b>
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	7.501.201.270	7.467.055.650
	<b>7.501.201.270</b>	<b>7.467.055.650</b>
35 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	269.930.446	278.613.327
Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	9.722.646.889	-
	<b>9.992.577.335</b>	<b>278.613.327</b>
(*) Khoản lãi chậm trả đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Toàn Xuân Thịnh liên quan đến giao dịch bán 16.907 trái phiếu TITCH2124001 của Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Tiến Trường.		
36 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2024	2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.781.111.254	16.506.759.209
	<b>14.781.111.254</b>	<b>16.506.759.209</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**37 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	16.366.020.283	15.925.976.059
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	903.563.030	888.697.999
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.163.178.852	1.406.595.145
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	805.031.819	902.087.570
Chi phí thuế, phí và lệ phí	11.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.250.459.729	6.738.687.035
	<b>27.499.253.713</b>	<b>25.868.043.808</b>

**38 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

**38.1 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.006.927.223	(30.606.126.541)
Các khoản điều chỉnh tăng	11.465.456.638	79.077.534.404
- Chi phí không hợp lệ	270.274.683	758.293.706
- Trích lập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	-	564.956.748
- Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính	11.195.181.955	77.754.283.950
Các khoản điều chỉnh giảm	(8.101.143.555)	(10.556.296.771)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(539.932.192)	(1.195.100)
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính	(7.132.930.563)	(10.555.101.671)
- Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản phải thu khó đòi	(428.280.800)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	43.371.240.306	37.915.111.092
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>8.674.248.061</b>	<b>7.583.022.218</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	19.392.061	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	6.118.407.944	10.820.132.643
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(9.871.997.964)	(14.127.080.622)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b>4.940.050.102</b>	<b>4.276.074.239</b>

**38.2 . Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(812.450.277)	(9.343.233.057)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	2.817.863.336	12.161.096.393
	<b>2.005.413.059</b>	<b>2.817.863.336</b>
	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(812.450.277)	(13.439.836.455)
	<b>(812.450.277)</b>	<b>(13.439.836.455)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**41 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	32.125.737.378	(24.749.312.304)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	32.125.737.378	(24.749.312.304)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	164.800.618	103.000.400
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>195</b>	<b>(240)</b>

**42 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.134.127.868.200	-	-	1.134.127.868.200
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	30.310.000.000
	<b>1.164.437.868.200</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.164.437.868.200</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.608.753.818.546	-	-	1.608.753.818.546
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	30.310.000.000	-	-	30.310.000.000
	<b>1.639.063.818.546</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.639.063.818.546</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Tiền	79.056.979.143	-	-	79.056.979.143
Các khoản cho vay	178.569.766.174	-	-	178.569.766.174
Các khoản phải thu	978.259.188.716	-	-	978.259.188.716
	<b>1.235.885.934.033</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.235.885.934.033</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền	119.709.067.718	-	-	119.709.067.718
Các khoản cho vay	149.282.786.887	-	-	149.282.786.887
Các khoản phải thu	328.908.935.807	53.119.321.322	-	382.028.257.129
	<b>597.900.790.412</b>	<b>53.119.321.322</b>	<b>-</b>	<b>651.020.111.734</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>				
Vay và nợ	279.912.974.781	-	-	279.912.974.781
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	175.402.801.722	-	-	175.402.801.722
Chi phí phải trả	7.817.344.068	-	-	7.817.344.068
	<u><b>463.133.120.571</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>463.133.120.571</b></u>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Vay và nợ	305.801.575.548	-	-	305.801.575.548
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	63.977.520.118	-	-	63.977.520.118
Chi phí phải trả	11.862.418.437	-	-	11.862.418.437
	<u><b>381.641.514.103</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>381.641.514.103</b></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**43 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**44 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Hoạt động cho vay và ứng trước tiền bán	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	12.013.529.261	86.303.215.917	-	12.717.410.243	477.852.000	111.512.007.421
Chi phí hoạt động	16.804.458.476	12.836.717.511	-	(428.280.800)	10.013.038.737	39.225.933.924
Doanh thu không phân bổ						9.992.577.335
Chi phí không phân bổ						42.280.364.967
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>(4.790.929.215)</b>	<b>73.466.498.406</b>	<b>-</b>	<b>13.145.691.043</b>	<b>(9.535.186.737)</b>	<b>39.998.285.865</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	21.388.435.746	2.136.056.168.461	544.000.000	178.569.766.174	-	2.336.558.370.381
Tài sản không phân bổ						128.026.206.831
<b>Tổng tài sản</b>	<b>21.388.435.746</b>	<b>2.136.056.168.461</b>	<b>544.000.000</b>	<b>178.569.766.174</b>	<b>-</b>	<b>2.464.584.577.212</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	534.203.022	36.346.450.000	760.521.669	-	549.500.000	38.190.674.691
Nợ phải trả không phân bổ						443.882.910.060
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>534.203.022</b>	<b>36.346.450.000</b>	<b>760.521.669</b>	<b>-</b>	<b>549.500.000</b>	<b>482.073.584.751</b>

**Theo khu vực địa lý**

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**45 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần G-AutoMobile	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này cho tới ngày 15 tháng 4 năm 2022
Công ty Cổ phần Công nghiệp chế tạo ô tô Quốc Dân	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là cổ đông lớn của công ty này
Công ty Cổ phần Công nghiệp chế tạo ô tô Hồng Đức	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này; Ông Trần Đình Cường - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc của công ty này
Công ty Cổ phần Sản xuất ô tô Hồng Đức	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này
Công ty Cổ phần Bến xe Quảng Ninh	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty này
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chia sẻ	Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Hải Châu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty này
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	Ông Nguyễn Hải Châu - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Thành viên Hội đồng quản trị công ty này; Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty này
Công ty Cổ phần Thương mại Long Thành	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty này
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	Ông Lê Minh Khuê - Phó Tổng Giám đốc của Công ty đồng thời là Trưởng ban đại diện của quỹ này
Công ty TNHH KY Consultant	Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên góp vốn của công ty này; Ông Trần Đình Cường - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là thành viên góp vốn, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty này
Công ty Cổ phần Gami Hospitality	Cùng chung Thành viên Hội đồng quản trị là ông Trần Đình Cường và ông Nguyễn Xuân Hà, ông Nguyễn Xuân Hà cũng là Phó Tổng Giám đốc công ty này
Công ty TNHH Đầu tư G-HOLDING	Ông Trần Đình Cường - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là người đại diện theo pháp luật, chủ sở hữu công ty này
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Phú Bình	Cùng chung Thành viên Hội đồng quản trị là ông Nguyễn Xuân Hà
Công ty Cổ phần Viện Phát triển trí tuệ Toàn Diện	Ông Nguyễn Xuân Hà - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc và người đại diện theo pháp luật công ty này
Công ty Cổ phần Gami Hội An	Ông Nguyễn Xuân Hà - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**

Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Ký ức Hội An	Ông Nguyễn Xuân Hà - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc và người đại diện theo pháp luật công ty này
Công ty Cổ phần Điện tử - Ảnh màu Nha Trang	Bà Đỗ Thị Hồng Hải - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc của công ty này
Công ty Cổ phần Truyền thông Vọng Đức	Ông Ngô Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Giám đốc công ty này
Công ty Luật TNHH Một thành viên M&A	Ông Hoàng Đôn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là người đại diện theo pháp luật công ty này
Công ty Cổ phần Tơ lụa B'Laos	Ông Hoàng Đôn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này
Công ty Cổ phần Xây Lấp SRE	Ông Hoàng Đôn Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đồng thời là Trưởng ban kiểm soát công ty này
Ông Hoàng Hữu Tiến	Em rể của bà Vũ Thị Thanh Hằng - Giám đốc tài chính của Công ty
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Chị ruột của bà Vũ Thị Thanh Hằng - Giám đốc tài chính của Công ty

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2024 VND	06 tháng đầu năm 2023 VND
<b>Doanh thu</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	3.894.230	88.504.804
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	2.122.848	2.111.184
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	50.000.000	-
Công ty TNHH KY Consultant	29.962.043	-
Công ty TNHH Đầu tư G-HOLDING	2.240.784	2.228.472
<b>Lãi vay phải trả</b>		
Ông Hoàng Hữu Tiến	815.936.436	410.767.291
Ông Nguyễn Phi Long	35.167.808	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ông Hoàng Hữu Tiến	7.350.000.000	15.800.000.000
Ông Nguyễn Phi Long	2.000.000.000	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Ông Nguyễn Phi Long	3.101.800.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVEREST**Tầng 3, 6, 9 - Số 2A Phố Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,  
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Ông Nguyễn Hải Châu	166.755.000	169.884.000
Bà Đỗ Thị Hồng Hải	64.000.000	64.000.000
Bà Vũ Hải Anh	32.000.000	32.000.000
Ông Vũ Mạnh Tiến	32.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Thành Chung	32.000.000	23.142.500
Ông Trần Đình Cường	40.000.000	80.000.000
Ông Hoàng Đôn Hùng	80.000.000	160.000.000
Ông Ngô Thanh Tùng	9.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hà	9.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Hữu Tiến	166.734.241	644.711.641
Ông Nguyễn Phi Long	13.232.875	-
<b>Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán</b>		
Bà Vũ Thị Thanh Hải	521.300.000	-

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>		
Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.244.496.000	2.143.776.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	5.882.569.130	4.390.963.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**46 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

 <hr/> <b>Bùi Thị Yên</b> Người lập	 <hr/> <b>Nguyễn Thị Bích Hằng</b> Kế toán trưởng	 <hr/> <b>Phạm Hồng Minh</b> Tổng Giám đốc
--	--	---



Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024